

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 01 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Trần Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh K. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường N). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau do tính tình không hợp nhau, ông T có tính rượu chè say sưa về nhà tìm cách gây sự với bà, đồng thời quan điểm sống khác nhau nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt. Ủy ban nhân dân, hội phụ nữ xã N đã can thiệp nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, thậm chí còn chửi bới xúc phạm đến cha mẹ và dòng họ của bà. Đến nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/8/1995; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013. Hiện tại con chung Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tấn Đ đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu Tòa giải quyết ly hôn cho bà và ông T, bà đồng ý giao con chung chưa thành niên Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013 cho ông T nuôi dưỡng như nguyện vọng của cháu T và yêu cầu của ông T, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 7 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn Tấn trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường N). Thời gian chung sống với nhau ông và bà C có 03 người con là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/8/1995; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bà C không chịu làm ăn, vun vén gia đình mà thường xuyên bỏ nhà đi chơi nhưng đến giờ vẫn về nấu cơm cho chồng con. Bà C yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm và muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Từ trước tới nay, ông vẫn luôn hết lòng vì vợ con, ngày nào cũng đi làm không kể giờ giấc để lo cho gia đình, vợ con. Nếu Tòa giải quyết cho ông và bà C ly hôn, ông xin được nuôi con chung chưa thành niên Nguyễn Cát T, ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Cát T (bản sao); Chứng minh nhân dân Nguyễn Thị C (bản photo); Sổ hộ khẩu Nguyễn Văn T (bản photo); Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn C và ông Nguyễn Văn T; Biên bản xác minh hộ khẩu thường trú của ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Bà C và ông T có 03 người con là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/8/1995; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013. Bà C tự nguyện giao con chung chưa thành niên Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, cháu T có nguyện vọng được ở với ông T, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung Nguyễn Tấn T, Nguyễn Tấn Đ đã thành niên, không bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn T cư trú tại: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là phường N), huyện N (nay là thị xã N) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 301, ngày 31 tháng 12 năm 2002 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa bà C và ông T thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông T có tính rượu chè say sưa về nhà tìm cách gây sự với bà, đồng thời quan điểm sống khác nhau nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm rạn nứt, thậm chí còn chửi bới xúc phạm đến cha mẹ và dòng họ của bà C. Bà C xác định không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà C. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là Nguyễn Tấn T, sinh ngày 28/8/1995; Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 23/11/2003 và Nguyễn

Cát T, sinh ngày 14/01/2013. Hiện tại con chung Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tấn Đ đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét. Bà Chung đồng ý giao con chung chưa thành niên Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013 cho ông T nuôi dưỡng như nguyện vọng của cháu T, bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tại bản tự khai ngày 01/7/2021, ông T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà C được ly hôn, ông T không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của bà C, ông T và nguyện vọng của cháu T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Cát T, sinh ngày 14/01/2013 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Chung đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0003976 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND phường Ninh Hiệp (GCNKH số 301 ngày 31/12/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Trung